**TUẦN 18**

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**Bài 42: ÔN TẬP BIỂU THỨC SỐ (T2) – Trang 117**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Tính được giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính có và không có dấu ngoặc.

- Giải được bài toán thực tế bẳng hai phép tính nhân, chia trong phạm vi 1 000.

- Phát triển năng lực tư duy, lập luận và rèn kĩ năng tính giá trị của biểu thức.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ GV trình chiếu bài tính giá trị của biểu thức+ HS chọn kết quả đúng- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ HS nêu cách thực hiện+ HS nêu cách tính- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: + Củng cố, rèn kĩ năng tính giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính và có dấu ngoặc.+ Củng cố, rèn kĩ năng tính giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính, có dấu ngoặc và rèn kĩ năng tính nhẩm.+ Củng cố cách tính giá trị của biểu thức chỉ có phép cộng, trừ hoặc phép nhân,chia và có thể vận dụng tính chất kết hợp của phép cộng, phép nhân.+ Củng cố cách giải và trình bày bài giải bài toán thực tế liên quan đến phép chia.+ Phát triển năng lực tư duy, lập luận và rèn kĩ năng tinh giá trị của biểu thức. **-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1. Tính giá trị của biểu thức.**- GV cho HS nêu yêu cầu của bài.- GV nhắc lại cách thực hiện phép tính cho HS.- HS chữa bài trước lớp. Khi chữa bài, GV lưu ý HS cách trình bày.**-** GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 2: Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức dưới đây.**- GV yêu cầu HS nêu cách tính một số biểu thức, đặc biệt là các trường hợp có thế tính nhầm. Chẳng hạn: (33 + 67): 2 có thể nhẩm ngay được kết quả là 50 (33 cộng 67 bằng 100, 100 chia 2 bằng 50).- HS nêu kết quả trước lớp.- GV và HS nhận xét và bổ sung.- GV Nhận xét, tuyên dương.**Bài 3: Tính giá trị của biểu thức**- GV và HS chữa bài cho HS. GV có thể hướng dẫn HS cách làm dễ hơn dựa vào tính chất kết hợp của phép cộng và phép nhân.- GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 4. Giải bài toán**- GV cho HS tìm hiểu đề bài:+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Phải làm phép tính gì?- GV và HS chữa bài cho HS- GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 5. Đố em?** *( Đây là bài tập “nâng cao” dành cho HS khá, giỏi, do đó khòng yêu cầu tất cả HS làm bài này.)*- GV yêu cầu HS tìm hiểu đề bài rồi suy nghĩ cách làm bài.- GV có thể giải thích cho HS hiểu yêu cầu của bài: Thay dấu “?” bằng dấu phép tính sao cho giá trị của biểu thức đó bé nhất. Để biểu thức có giá trị bé nhất thì biểu thức trong dấu ngoặc phải có giá trị bé nhất. Biểu thức trong dấu ngoặc có hai số 6 nên dấu “?” phải là dấu để biếu thức trong dấu ngoặc có giá trị bé nhất là 0. - GV nhận xét tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu của bài.- HS nêu cách tính giá trị của biểu thức (Thực hiện tính trong ngoặc trước)- HS làm vào vở.- Nhóm đôi đổi vở, kiểm tra bài.a. 45 + (62 + 38 ) = 45 + 100 = 145b. 182 – ( 96 – 54) = 182 – 45 = 137c. 64 : ( 4 x 2 ) = 64 : 8 = 8d. 7 x ( 48 : 6 ) = 7 x 8 = 56- HS nêu yêu cầu của bài.- HS làm vào vở- HS đổi vở, kiểm tra, chữa bài cho nhau.- HS nhận xét bài làm của bạn.Đáp án: A = 40, B = 50, C = 210, D =100- HS đọc yêu cầu của bài.- HS làm vào vở- 2 HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.Đáp án: 1. 27 + 34 + 66 = 127

b)7 x 5 x 2 = 35 x 2 = 70- HS đọc yêu cầu của bài.- HS trả lời câu hỏi:+ 288 bánh xe vào các hộp. Mỗi hộp 4 bánh xe.Mỗi thùng 8 hộp.+ Đóng được bao nhiêu thùng bánh xe?+ Thực hiện phép chia và chia* HS làm bài vào vở.
* 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.

Bài giải*Người ta đóng được số hộp bánh xe là: 288 : 4 = 72 (hộp)**Người ta đóng được số thùng bánh xe là: 72 : 8 = 9 (thùng)*Đáp số: *9 thùng bánh xe.*- HS đọc yêu cầu của bài- HS nêu kết quả trước lớp6 x ( 6 – 6 ) = 0  |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết cách tính được giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính có và không có dấu ngoặc. Giải được bài toán thực tế bẳng hai phép tính nhân, chia trong phạm vi 1 000.- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

--------------------------------------------------------------

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**Bài 43: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T1) – Trang 118**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-**  Nhận biết được góc vuông, góc không vuông, trung điểm của đoạn thẳng.

- Nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ và các yếu tố: đỉnh, cạnh của khối hộp chữ nhật.

- Vẽ được hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông trên giấy ô vuông.

- Nhận biết được tâm, bán kính, đường kính cùa hình tròn.

- Phát triển năng lực tư duy trừu tượng, mô hình hoá, năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Quan sát hình, nêu tên từng hình- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Hình vuông, tam giác, hình chữ nhật, khối lập phương, hình trụ.- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: + Nhận biết được góc vuông, góc không vuông, trung điểm của đoạn thẳng.+ Nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ và các yếu tố: đỉnh, cạnh của khối hộp chữ nhật; vẽ được hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông trên giấy ô vuông.**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1.** Củng cố biểu tượng góc vuông, góc không vuông, trung điểm của đoạn thẳng.- GV cho HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài.- Câu a: GV hướng dẫn HS nhận dạng góc vuông theo từng đỉnh K và I.- Câu b: GV hướng dẫn HS nhận dạng góc không vuông theo từng cạnh AB, AK, AE.- Câu c: Cách nhận biết trung điểm của đoạn thẳng. **-** GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 2: Vẽ hình theo mẫu**- GV cho HS đọc yêu cầu.- GV hướng dẫn HS chấm các đỉnh của hình cần vẽ rồi nối các đỉnh theo hình mẫu.- GV và HS chữa bài.- GV nhận xét, tuyên dương**Bài 3: Nêu tên đường kính, bán kính**- GV cho HS đọc yêu cầu của bài rồi làm bài.+ Câu a: GV hướng dẫn HS xác định tâm của hình tròn rồi từ đó xác định bán kính, đường kính của hình tròn.+ Câu b: Hình đã cho có dạng cột cờ. GV hướng dẫn HS đếm số khối lập phương ở đế dưới cùng của cột cờ được 16 khối; số khối trụ ở phần còn lại của cột cờ được 3 khối.- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 4. Củng cố nhận dạng khối hộp chữ nhật và số đỉnh của nó.**- GV yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của bài rồi làm bài.- GV hướng dẫn HS nhận biết những khối lập phương ở vị trí nào thì được sơn 3 mặt từ đó tìm ra kết quả.  *Lưu ý: Sau khi HS làm xong bài, GV có thể khai thác thêm bài toán, chẳng hạn: Có mấy khối lập phương nhỏ được sơn 2 mặt?*- GV Nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài- HS trả lời trước lớp+ Có 4 góc vuông đỉnh K; có 2 góc vuông đỉnh I. Vậy hình đã cho có tất cả 6 góc vuông.+ Góc không vuông đỉnh A, cạnh AB, AK; góc không vuông đỉnh A, cạnh AK, AE; góc không vuông đỉnh A, cạnh AB, AE. Vậy có 3 góc không vuông đỉnh A.+ Trung điểm của đoạn thẳng AC là điểm K. + Trung điểm của đoạn thẳng ED là điểm I.* HS nêu yêu cầu của bài
* HS làm vào vở
* HS trao đổi bài để kiểm tra
* HS nêu yêu cầu của bài
* HS ghi câu trả lời vào vở
* HS trao đổi bài để kiểm tra
* HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của bài rồi làm bài.
* HS nêu kết quả trước lớp

+ Các khối lập phương ở các đình của khỗi hộp chữ nhật đểu được sơn 3 mặt. Vậy có 8 khối lập phương được sơn 3 mặt.+ Các khối lập phương còn lại đều được sơn 2 mặt. Vậy có 4 khối lập phương được sơn 2 mặt |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết số liền trước, số liều sau, đọc số, viết số...+ Bài toán:....- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**Bài 43: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T2) – Trang 119**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Có biểu tượng và nhận biết được các đơn vị mm, ml, g, độ C; tính được độ dài đường gấp khúc; xác định được cân nặng của một số đỗ vật có đơn vị là g (gam) dựa vào cân hai đĩa;

- Ước lượng được số đo của một số đồ vật có đơn vị là mm, ml, g, độ C; thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia với số đo liên quan đến đơn vị mm, ml, g; Giải được bài toán thực tế có hai phép tính liên quan đến số đo khối lượng.

- Phát triển năng lực tư duy trừu tượng, mô hình hoá, năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Đọc tên các đơn vị đo đã học - GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời:- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: + Củng cố cách tính độ dài đường gấp khúc, xác định cân nặng của một số đó vật có đơn vị là g (gam) dựa vào cân hai đĩa.**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1a.Tính độ dài đường gấp khúc** - GV cho HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài. Câu a: HS có thể tính tổng độ dài các đoạn thẳng cùa đường gấp khúc. Tuy nhiên, GV có thể cho HS nhận xét ba đoạn thẳng của đường gấp khúc đã cho cùng có độ dài là 28 mm. Do đó dùng phép nhân để tính độ dài đường gấp khúc này. Câu b: GV hướng dẫn HS quan sát cân để nhận ra đĩa cân bên phải gồm quả bưởi và quả cân 100 g nặng bằng đĩa cân bên trái gồm hai quả cân 500 g. **-** GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 2: Chọn số đo thích hợp**- GV cho HS đọc yêu cầu của bài.* GV trình chiếu câu hỏi, HS chọn đáp án đúng nhất.
* GV và HS nhận xét bạn, chữa bài

- GV nhận xét, tuyên dương**Bài 3: Tính** - GV cho HS đọc yêu cầu của bài rồi làm bài.- GV theo dõi và hỗ trợ HS* HS làm trên bảng lớp.
* HS chữa bài và nhận xét
* GV nhận xét tuyên dương.

**Bài 4. Giải bài toán** - GV yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của bài rồi làm bài.- GV cho HS tìm hiểu đề bài:+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Phải làm phép tính gì?- GV và HS chữa bài cho HS- GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài vào vở.- HS làm vào bảng nhóm, trình bày trước lớp. *Bài giải**Độ dài đường gấp khúc ABCD là: 28 X 3 = 84 (mm)*Đáp số: *84 mm.*+ *Vậy quả bưởi cân nặng là: 500 g + 500 g - 100 g = 900 g.** HS nêu yêu cầu của bài
* HS làm vào vở
* HS trao đổi bài để kiểm tra

 *Kết quả: a) Chọn A; b) Chọn C; c) Chọn A; d) Chọn B** HS nêu yêu cầu của bài
* HS làm bài vào vở
* HS trao đổi bài để kiểm tra
1. *600mm, 500mm,280mm*
2. *805g, 1000g, 150g*
3. *656ml, 500ml,750ml*

- HS đọc yêu cầu của bài.- HS trả lời câu hỏi:+ 1 gói mì 80g, 1 hộp sữa 455g+ 3 gói mì và 1 hộp sữa nặng bao nhiêu kg?+ Thực hiện phép nhân và cộng* HS làm bài vào vở.
* 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.

Bài giải *3 gói mì tôm cân nặng là:*80 X 3 = 240 (g)*3 gói mì tôm và 1 hộp sữa cân nặng tất cả là:* *240 + 455 = 695(g)*Đáp số: *695 g.* |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh có biểu tượng và nhận biết được các đơn vị mm, ml, g, độ C; tính được độ dài đường gấp khúc; xác định được cân nặng của một số đồ vật có đơn vị là g (gam) dựa vào cân hai đĩa; Ước lượng được số đo của một số đồ vật có đơn vị là mm, ml, g, độ C; thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia với số đo liên quan đến đơn vị mm, ml, g; + Bài toán:....- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

--------------------------------------------------------

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**Bài 44: ÔN TẬP CHUNG (T1) – Trang 120**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Củng cố về phép tính nhân, chia số có hai, ba chữ số với (cho) số có một chữ số, tính giá trị của biểu thức, về hình học (trung điểm của đoạn thẳng, góc vuông, đường gấp khúc,...), về đo lường, về giải toán có lời văn (hai bước tính).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Chọn số đo thích hợp với các đồ vật- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: Ghi đáp án ra bảng con+ Trả lời- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: + Ôn tập, củng cố kiến thức vể phép tính (nhân, chia số có hai, ba chữ số với (cho) số có một chữ sỗ); + Tính giá trị của biểu thức, giải bài toán có lời văn (hai bước tính),...); về hình học (điểm, đoạn thẳng, ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, nhận biết góc vuông,...), về đo lường (bài toán liên quan đến dung tích, đơn vị l).**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1. (Làm việc cá nhân) Đặt tính rồi tính.*** GV quan sát và hỗ trợ HS
* HS làm trên bảng lớp.
* GV và HS nhận xét, chữa bài của bạn.
* GV nhận xét, tuyên dương.

**Bài 2: (Làm việc cá nhân) Tính?*** GV quan sát và hỗ trợ HS
* HS làm trên bảng lớp.
* GV và HS nhận xét, chữa bài của bạn.( HS có thể ghi trừ rút gọn)
* GV nhận xét, tuyên dương.

**Bài 3: Tìm trung điểm, góc vuông, đỉnh của hình?****-** GV trình chiếu hình ảnh, hỏi HS.- HS trả lời trước lớp**-** HS nhận xét lẫn nhau.- GV hướng dẫn HS quan sát hình, tính số đo độ dài đoạn thẳng theo cạnh của ô vuông để xác định được trung điểm của các đoạn thẳng BC, ED, BM, ND (câu a) hoặc có thể dùng ê ke kiểm tra góc vuông để xác định các góc đỉnh B, C, D, E là các góc vuông (câu b).- GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 4. Tính giá trị của biểu thức**- GV cho HS nêu lại cách tính giá trị của biểu thức* GV quan sát và giúp đỡ HS
* GV và HS nhận xét, chữa bài cho HS

- GV Nhận xét, tuyên dương.**Bài 4. Giải bài toán** - GV yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của bài rồi làm bài.- GV cho HS tìm hiểu đề bài:+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Phải làm phép tính gì?- GV và HS chữa bài cho HS- GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu của bài- HS nêu cách thực hiện phép tính nhân.- HS làm bài vào vở- Trao đổi nhóm đôi, chữa bài 213 217 161x 3 x 4 x 5 639 868 805- HS đọc yêu cầu của bài- HS nêu cách thực hiện phép tính nhân.- HS làm bài vào vở- Trao đổi nhóm đôi, chữa bài* HS đọc yêu cầu của bài
* HS ghi câu trả lời vào vở
* HS đọc kết quả trước lớp

*a) M là trung điểm của đoạn thẳng BC; N là trung điểm cùa đoạn thẳng ED; Q là trung điểm của đoạn thẳng BM; p là trung điềm cùa đoạn thẳng ND.**b)Có 4 góc vuông là: góc vuông đỉnh B, cạnh BC, BE; góc vuông đỉnh C, cạnh CB, CD; góc vuông đỉnh E, cạnh EB, ED; góc vuông đỉnh D, cạnh DC, DE.** HS đọc yêu cầu của bài
* HS nêu: câu a tính từ trái sang phải. Câu b tính trong ngoặc trước.
* HS làm vào vở, đổi vở kiểm tra bài bạn.
* HS làm trên bảng lớp

*a)175 + 42 - 75 = 217 – 75* *= 142**b)12 x (12- 9) = 12 x 3* *= 36.*- HS đọc yêu cầu của bài.- HS trả lời câu hỏi:+ 1 thùng đựng 100l, 5 can , mỗi can 10l+ Tất cả có bao nhiêu lít nước mắm?+ Thực hiện phép nhân và cộng* HS làm bài vào vở.
* 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.

Bài giải *Số lít nước mắm ở 5 can là:**10 X 5 = 50 (/)**Số lít nước mắm có tất cả là:**100 + 50= 150(l)*Đáp Số: *150 / nước mắm.* |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh biết thực hiện nhân, chia số có hai, ba chữ só với (cho) số có một chữ số, tính giá trị của biểu thức, về hình học, về đo lường, về giải toán có lời văn.+ Bài toán:....- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**Bài 44: ÔN TẬP CHUNG (T2) – Trang 121**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Củng cố về phép tính nhân, chia số có hai, ba chữ só với (cho) sổ có một chữ số, tính giá trị của biểu thức, về hình học (trung điểm của đoạn thẳng, góc vuông, đường gấp khúc,...), về đo lường, về giải toán có lời văn (hai bước tính).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Quan sát hình, nêu tên trung điểm. Tìm đỉnh, góc vuông có trong hình.- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời miệng trước lớp.- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:***-** Mục tiêu: + Ôn tập, củng cố kiến thức vể phép tính (nhân, chia số có hai, ba chữ số với (cho) số có một chữ sỗ); + Tính giá trị của biểu thức, giải bài toán có lời văn (hai bước tính),...); về hình học (điểm, đoạn thẳng, ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, nhận biết góc vuông,...), về đo lường (bài toán liên quan đến dung tích, đơn vị l).**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1. (Làm việc cá nhân) Đặt tính rồi tính.*** GV quan sát và hỗ trợ HS
* HS làm trên bảng lớp.
* GV và HS nhận xét, chữa bài của bạn.
* GV nhận xét, tuyên dương.

**Bài 2: (Làm việc cá nhân) Tính?*** GV quan sát và hỗ trợ HS
* HS làm trên bảng lớp.
* GV và HS nhận xét, chữa bài của bạn.( HS có thể ghi trừ rút gọn)
* GV nhận xét, tuyên dương.

**Bài 3a: Tính độ dài đường gấp khúc.****-** GV hỏi HS cách tính độ dài đường gấp khúc.- HS trả lời trước lớp**-** HS nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 3b: Ước lượng cân nặng túi muối*** GV yêu cầu HS quan sát các quả cân 200 g và 100 g, từ đó tính được gói muối cân nặng bao nhiêu gam?

**-** HS nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 4. Tính giá trị của biểu thức**- GV cho HS nêu lại cách tính giá trị của biểu thức* GV quan sát và giúp đỡ HS
* GV và HS nhận xét, chữa bài cho HS

- GV Nhận xét, tuyên dương.**Bài 5. Giải bài toán** - GV yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của bài rồi làm bài.- GV cho HS tìm hiểu đề bài:+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Phải làm phép tính gì?- GV và HS chữa bài cho HS- GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu của bài- HS nêu cách thực hiện phép tính nhân.- HS làm bài vào vở- Trao đổi nhóm đôi, chữa bài 72 116 106x 3 x 6 x 8 216 696 848- HS đọc yêu cầu của bài- HS nêu cách thực hiện phép tính nhân.- HS làm bài vào vở- Trao đổi nhóm đôi, chữa bài* HS đọc yêu cầu của bài
* HS làm bài vào vở
* HS nêu: Lấy số đo các cạnh cộng vào.
* 1HS làm vào bảng nhóm

Bài giải*Độ dài đường gấp khúc ABCD là: 30 + 42 + 28 = 100 (mm)*Đáp số: *100 mm.** HS đọc yêu cầu của bài
* HS làm bài vào vở
* 1HS làm vào bảng nhóm

- HS đọc kết quả trước lớpBài giải *Gói muối cân nặng là: 200 + 200 + 100 = 500 (g)* Đáp số: *500 g.** HS đọc yêu cầu của bài
* HS nêu: câu a tính từ trái sang phải. Câu b tính trong ngoặc trước.
* HS làm vào vở, đổi vở kiểm tra bài bạn.
* HS làm trên bảng lớp

*a)96 : 3 x 5 = 32 x 5 = 160* *b)60 : ( 2 x 3) = 60 : 6 = 10* - HS đọc yêu cầu của bài.- HS trả lời câu hỏi:+ Tuần đầu 20 thùng, tuần sau gấp đôi tuần đầu.+ Tất cả có bao nhiêu thùng?+ Thực hiện phép nhân và cộng* HS làm bài vào vở.
* 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.

Bài giải *Số thùng sách vở và đồ dùng học tập góp được trong tuần sau là: 20 x* *3 = 60 (thùng)**Số thùng sách vở và đồ dùng học tập góp được trong cả hai tuần là: 20 + 60 = 80 (thùng)*Đáp Số: *80 thùng.* |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh biết thực hiện nhân, chia số có hai, ba chữ só với (cho) số có một chữ số, tính giá trị của biểu thức, về hình học, về đo lường, về giải toán có lời văn.+ Bài toán:....- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |